

THE RĀVADA  
PHẬT - GIÁO NGUYÊN - THỦY

---

ARIYAMAGGA

# **BÁT THÁNH ĐẠO**

VANSARAKKHITA BHIKKHU  
HỘ-TÔNG TỶ-KHUU

2504

1961

IN LẦN THỨ II

## TỰA

« **BÁT-THÁNH-ĐẠO** » là phương pháp tu hành chơn-chánh cao thượng đúng theo qui tắc Phật-giáo ; mà Đức Thế-tôn đã có lời ngợi khen là qui trọng hơn tất cả con đường tu hành ; là con đường không thẳng cũng không dòn, không tham vui cũng không khổ khắc, vừa thành-tựu các điều lợi-ích đầy đủ đến hành-giả, hiệp theo trình độ của mọi người, cho nên cũng gọi là « **TRUNG-ĐẠO** » (Majjhimapatipadā) là con đường giữa. Ví như đờn mà người lên dây vừa thẳng, khỏi nghe tiếng thanh tao, làm cho thính-giả nghe đều thỏa thích.

Vì thế khi hành-giả đã thật hành đều đủ theo « **Pháp trung-đạo** » thì sẽ đạt đến bậc tối-thượng hoặc chứng đạo quả trong Phật-Pháp không sai. Nếu duyên phần chưa đến kỳ, cũng được điều lợi ích là sự yên-vui xác-thật trong thân tâm, từ kiếp hiện tại và kết được duyên lành trong các kiếp vị-lai.

Tôi soạn dịch pháp « **BÁT-THÁNH-ĐẠO** » này để giúp ích cho hàng Phật-tử nương nhờ trau-giồi trí nhớ và sự biết mình. Những hành-giả đã có lòng chán-nản trong sự luân-hồi, muốn dứt trừ phiền

não, để đến nơi yên-vui tự tại, nên tinh-tấn tu-tập theo chánh pháp, khỏi sự sai lầm, ngõ hầu làm mô phạm cho kẻ hậu lai trên con đường giải-thoát.

Ba cái pháp mà Đức « Thiên-nhơn-sư » đã giảng giải, có nhơn-duyên nương lẫn nhau ấy là: Pháp-học, pháp hành và pháp thành.

1.— Pháp để học hỏi cho biết phải, quấy, chánh, tà, lành, dữ v.v... gọi là « pháp-học » (Pariyat-tidharma) (Luật, Kinh và Luận-tạng) như ngọn đèn sáng tỏ để rọi đường đi, là khí cụ vệt tan sự tối tăm ngu dốt.

2.— « Pháp-hành » (Patipattidharma) là Giới-Định-Tuệ là pháp để trau dồi thân, khẩu, ý cho trở nên trong sạch. Người đã trì-giới đều đủ nên niệm Phật, tham-thiền cho đến khi phát sanh trí-tuệ, giác-ngộ pháp « Tứ diệu đế » mới có thể ném lương vị cao thượng của pháp thành.

3.— « Pháp-thành » (Pativedhadharma) là đạo quả và Niết-bàn.

Cho nên ba phép ấy có nhân tương quan lẫn nhau nghĩa là: Pháp học là nhân, pháp hành là quả; pháp hành là nhân, pháp thành là quả vậy.

Mong sao hàng Phật-tử, khi đã phát nguyện làm người tu Phật nên hết lòng tinh-tấn tôn kính,

lễ-bái cúng-dường (1) đến 3 pháp (pháp-học, pháp-hành và pháp thành) theo thứ tự, mới có thể thành-tựu những lợi-ích, trong Phật-giáo.

Xin thanh minh rằng: Tôi soạn quyển kinh này chỉ vì lòng tin tưởng Bát-thành-đạo, là con đường tiếp dẫn các hành-giả đến chỗ yên vui, từ kiếp này qua đến đời sau, cho đến khi chứng quả Niết-bàn, là nơi tận-diệt tất cả những thống khổ. Nếu có điều sơ sót sai lầm, cầu chư quý đọc giả lượng thứ và bồi bổ thêm cho.

Mong thay,

**Tỳ-khưu: HỘ-TÔNG**



---

(1) Có giả: rõ sách cúng dường chơn chánh cao-thượng nơi trường sau.

## CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐẠO

---

Nhơn tâm mỗi người mỗi khác. Phần đông còn tham-lam chưa chán nản ngũ-trần; có kẻ đã nhàm lờn ngũ-dục nhưng chưa muốn thoát ly sanh-tử luân-hồi; có người mong đến Niết-bàn là nơi diệt-khổ. Có ấy những hàng Phật-tử đều mong được hết khổ như nhau, song sự tu-hành có phần khác nhau, là tu bậc hạ, bậc trung và bậc thượng, tinh-tấn hoặc giải-dãi không đồng, là lẽ cố nhiên.

Sự tu-tập choặng dứt khổ là thực-hành theo Bát-thánh-đạo, làm cho người phạm trở nên bậc thánh, chứng pháp vô-thượng bồ-đề. Những người còn tham-dục, chưa có thể đi thẳng đến Niết-bàn, mặc dầu thực-hành theo thánh-đạo cũng khó được hoàn toàn đều đủ. Có kẻ nhiều tín-ngưỡng tinh-tấn tiến hành bậc thượng, dứt bỏ gia-đình, danh-lợi, xuất-gia, chỉ nguyện đi thẳng đến Niết-bàn chia ra làm hai phái là : tại-gia và xuất-gia. Cả

hai bậc hành-giả đều có thể hành-trình đến nơi dứt khổ (Nirodukkha) (1).

« Bát-thánh-đạo » có tám chi là con đường tiếp dẫn chúng sinh đi đến nơi diệt-dục. Những hàng tại-gia cư-sĩ còn thọ dụng ngũ-dục cũng có thể dứt thứ ái-dục thô-thiền được phần nào, không xa xỉ thái quá làm cho thân tâm phải nóng nảy vì lửa ái-dục thiêu-đốt.

Những bậc xuất-gia tinh-lấn tu-tập để đoạn-trừ khổ-não, khi diệt tận ái-dục rồi cũng cần phải hành theo phận sự mình, như việc hoằng pháp độ sanh, cho Phật-pháp thêm phát-triển, chẳng nên để cho thân tâm ô-nhiễm ái-dục, chỉ phải tiến-hành cho đến mục-dích cứu-cánh là Niết-bàn.

Đây xin giải về cách thức hành-đạo thiêng về phần diệt khổ, nghĩa là phương pháp cao-thượng theo từng bậc cho đến nơi cứu cánh giải-thoát.

---

(1) Nirodukkha : Dịch là không khổ, khôn ; cực nhẹ, khó khăn, đây chỉ về Niết-bàn.

## THÁNH-ĐẠO HAY LÀ TRUNG-ĐẠO CÓ TÁM CHI

Sự hành-trình cao quý của sanh mạng hoặc của thân khẩu ý để lánh khỏi sự khổ-não gọi là «*Thánh-đạo*». Thánh-đạo (Ariyamagga) dịch là «*đường đi cao quý*» hoặc «*đường đi của bậc thánh-nhơn*» là sự tu hành không quá thẳng, không quá dòn, không ở dưới quyền nô-lệ của vọng-tâm, làm cho thân hình phải cực nhọc vô-ích gọi là «*trung đạo*» (Majjhimapatipadā) là con đường giữa, không dòn, không thẳng, ví như đèn mà người lên dây vừa thẳng, khi nghe tiếng thanh-tao, êm-tai thính giả.

Tiếng «*đạo*» (magga) dịch là «*đường*», theo thông thường là đường để cho người đi, nhưng đây nói về sự hành-trình của tâm, là con đường đi ra khỏi rừng khổ-não, đến cảnh an-vui tuyệt đối.

Tiếng «*tám chi*» ấy nghĩa là phải có đều đủ cả tám chi như dây đôi dài có tám tao xe nhập lại.

Đường có tám chi ấy là:

1. Chánh-kiến (Sammāditthi) là hiệu phải.

2. Chánh-tư-duy (Sammāsāṅkappa) là suy nghĩ phải.
3. Chánh-ngữ (Sammāvāca) là nói lời phải.
4. Chánh-nghiệp (Sammākammaṅta) là nghề phải.
5. Chánh-mạng (Sammājīva) là nuôi mạng phải.
6. Chánh-tinh-tấn (Sammāvāyāma) là tiến lên phải.
7. Chánh-niệm (Sammāsati) là nhớ phải.
8. Chánh-định (Sammāsamādhi) là định tâm phải.

Cả tám chi ấy, nếu rời ra, không hiệp sức nhau, cũng không gọi là « Thánh-đạo » được.

Xin đem thí dụ với đường lộ có tám chi là : có cống nước chảy, có bản chỉ đường, có bóng mát hai bên đường, có nhà nghỉ-mát, có vật-thực đều đủ, có lính hộ-vệ bộ hành khỏi đều nguy-hiểm, đường bằng thẳng dễ đi ; như bát-thánh-đạo có tám chi, vừa thành-tựu điều lợi ích đầy đủ đến hành-giả, cũng như thế. Theo lời giải đây hành-giả nên hiểu rằng : các đức-tánh mà được phát sanh, đều



nương theo năng lực của tám chi đạo, chung hợp nhau, thành một sức mạnh.



## NHƯ-LAI CHỈ LÀ NGƯỜI CHỈ DẪN

Tất cả các pháp hằng có sự tương-phản nhau, như có đêm, có ngày, có nóng, có lạnh, có nước, có lửa... các cái ấy có tự nhiên không ai tạo ra được. Trước hết các bậc trí-tuệ xem xét tìm tòi, đem những cái ấy để dùng làm các công việc được thành tựu đều lợi ích đến kẻ tương lai. Thí dụ cho dễ nghe, như lửa là vật nóng, nước là vật lạnh, nếu dùng nước tưới hoặc tát vào lửa, lửa tắt, nếu chưa tắt cũng làm cho giảm sức nóng của lửa chút ít không sai. Đó là điều xác-thực mà người thấy đầu tiên, rồi đem chỉ dạy lại cho ta. Chư Phật, cũng thế, chẳng phải Đức Chí-Tôn tạo ra thánh đạo, Đức Thế-Tôn tự ngài giác ngộ, tìm được rồi ngài đem ra chỉ dạy rằng: đây khổ, đây nhân sanh khổ, đây sự diệt khổ, đây con đường tu hành là nhân đưa đến nơi dứt khổ, đây là con đường dắt dẫn làm cho ma-vương cùng quân ma phải lằm lặc, là con đường mà tất

cả chúng sanh tự mình phải đi lấy. Chư Phật chỉ là bậc chỉ dẫn thôi.

Sự hành-đạo đủ nấc, đủ bậc, gom vào trong thánh-đạo có tám chi, nếu tóm lại cho vắn tắt nữa, là pháp Tam-học (giới-định-tuệ) hiệp sức lại làm một, là đạo có tám chi, mỗi chi có phận sự khác nhau, như sau đây :



## ĐẠO CÓ TÁM CHI CÓ PHẬN SỰ KHÁC NHAU

**Chánh kiến.**— (Sammāditthi) là sự hiểu phải, hiểu đúng đắn, theo thông thường cả bên đời và bên đạo, cả phàm pháp và thánh pháp. Sự hiểu rằng chúng sanh, sanh ra trong thế gian này mà được tốt hoặc xấu cũng do cái nghiệp mà tự mình đã làm. Phước, tội mà chúng sanh đã tạo ra, chúng sanh phải chịu quả không sai. Địa-ngục, thiên-đàng và Niết-bàn là cảnh có thực cho đến hiểu rằng : sanh, già, bệnh, chết là khổ, sự ham muốn là nhân sanh khổ, dứt bỏ được sự ham muốn ra là nhân cho điều vui sướng, tu theo Bát-thánh-đạo là nhân diệt được sự ham muốn. Đó là thuộc về sự hiểu biết phải theo bậc phàm. Còn sự hiểu biết phải theo Thánh vực là pháp vi-tế cao-thượng hơn nữa vì là sự hiểu biết của bậc thánh hơn.

Nhưng hành-giả nên biết rằng: Thánh đạo phải nương phạm đạo mới phát sanh ra được, nghĩa là người có đức tin cần phải thọ-tri phần giới, phần định, phần huệ trong phạm đạo cho đầy đủ rồi nên tiến-hành pháp minh sát, quán-tưởng (1) thấy rõ thân thể chỉ là danh sắc (2) nương lẫn nhau mới có thể duy trì được, chẳng phải chúng sanh, chẳng phải người, rồi quán-tưởng danh sắc theo 3 tướng; vô thường, khổ-não, vô ngã, dùng trí-tuệ quán-tưởng cho đến khi phát tâm vô-ký trong tất cả danh-sắc.

Sự hiểu biết như thế gọi là có tuệ vô-ký trong danh sắc (Sankhārupekkhānāna) (3). Khi (Sankhārupekkhānāna) được thuần-thực trong lúc đạo phát sanh, rồi lâm xuống giữ «*thường tâm*» (Bhavaṅga) (3) «*tốc lực tâm tìm cảnh giới trong ý*» (3) (Monodvārāvajjanacitta) phát sanh rồi «*tốc lực tâm hành 7 khana*, (4) là:

(1) — Quán-tưởng là định tâm mà tưởng, sự tưởng tượng ấy phát hiện ra rõ rệt.

(2) — Danh là: thọ tưởng hành-thức: sắc là thân tứ-đại (đất, nước, gió, lửa).

(3) — Giải rõ trong «*Thanh-tịnh giải*».

(4) — Khá-ná (Khana) tàu âm là Sát-na, thời-là gian rất ngắn ngắn mau chóng của tốc lực tâm.

1 — « Sát định tâm » (1) tốc-lực tâm đầu tiên gọi là (Parikāma); 2 — « Cận định tâm » (2) tốc-lực tâm thứ hai gọi là (Upacāra); 3 — « Thuận-sát-tâm » (3) tốc-lực tâm thứ ba gọi là (Anuloma); 4 — « Gò-trà-phu-tâm » (4) tốc-lực tâm thứ tư gọi là (Gotrabhū).

Thăng lực của phạm-đạo chỉ đến đây là cùng. Tốc-lực-tâm nối tiếp thuộc về phần thành đạo có tuệ nhãn là khí cụ đoạn-tuyệt thụy-miên phiền-não (Anusaya) (5) hằng lặn núp trong tâm. Sự hiểu biết chơn chánh như thế gọi là chánh-kiến (Sammāditthi) thuộc về phần thành-đạo.

**Chánh-tư-duy.**— (Sammāsankappo) là « suy-nghĩ phải » chỉ về suy nghĩ trong việc tìm phương pháp để ra khỏi ngũ-dục, suy-nghĩ trong việc không thù oán chúng sanh; suy nghĩ trong việc không làm khổ chúng-sanh cho thân-tâm được giải-thoát khỏi các sự thống khổ, gọi là suy-nghĩ phải trong chi đạo thứ hai.

---

(1) — Tốc lực tâm suy xét tìm sự nhập định.

(2) — Tốc lực tâm gần nhập định.

(3) — Tốc-lực tâm suy xét theo « tâm sát định tốc lực tâm » và « cận định tốc lực tâm » trước.

(4) — Giải rõ trong « Thanh-tịnh kinh giải ».

(5) — Thụy-miên là phiền-não thường-thường ẩn núp trong tâm ý người.

Cả hai chi đạo đã giải ấy thuộc về phần trí tuệ đặt vào trong tuệ học (Paññasikkhā).

**Chánh-ngữ.** — (Sammāvācā) là « nói lời phải » là không nói 4 lời dữ (nói dối, nói lời chia rẽ, mắng chửi, nói lời vô ích).

**Chánh-nghiệp.** — (Sammākamma) là nghề phải là : không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm.

**Chánh-mạng.** — (Sammājīva) là « nuôi mạng phải » là lánh khỏi các điều tà-mạng, cả đường đời và đường đạo. Về phần cư-sĩ phải lánh khỏi sự buôn bán sai lầm (1). Hàng xuất-gia phải lánh sự tà-mạng có tội lỗi theo đường đời (Lakavajja) và đường đạo (Pannattivajja) (2).

Cả 3 chi đạo này dính dấp với sự sanh mạng của loài người trong đường đời và đường đạo, từ bậc tại-gia đến hàng xuất-gia, tùy bậc thấp cao, đều thuộc về phần giới, nên đặt vào trong giới (Sīlasikkhā).

---

(1) — Buôn bán sai lầm có 5 : bán khí giới, bán người, bán rượu, bán thuốc độc, bán thú.

(2) — Có giải trong « luật tu xuất gia » và tập chỉ.

**Chánh-tinh-tấn.**— (Sammāvāyāma) là « tiến lên phải » là tiến trong 4 điều :

a — Cần không cho tội phát sanh trong tâm,

b — Cần dứt bỏ tội đã phát sanh,

c — Cần làm những việc lành,

d — Cần giữ-gìn những việc lành đã phát sanh, không cho tiêu-hủy.

**Chánh-niệm.**— (Sammāsati) là nhớ phải, nhớ trong pháp Tứ niệm-xứ :

a) Trí nhớ là khí-cụ để phân biệt, quán-tưởng thân-thể rằng : thân này chỉ là thân, chẳng phải chúng sanh, thân ta, thân người gọi là dùng trí nhớ quán-tưởng trong thân (Kayānupassanāsati-patthāna),

b) Trí nhớ là khí-cụ để phân biệt, quán-tưởng cái thọ (1) rằng thọ này chỉ thọ-thời, chẳng phải chúng-sanh, người, thân ta, thân người, gọi là trí-nhớ quán-tưởng cái thọ (Vedanānupassanāsati-patthāna).

c) Trí nhớ là khí-cụ để phân biệt quán-tưởng cái tâm dơ bẩn hoặc trong sạch rằng tâm này chỉ là tâm, chẳng phải chúng sanh, người, thân ta, thân người, gọi là trí-nhớ quán-tưởng cái tâm (cittānupassanāsati-patthāna).

(1) — Thọ là sự dụng nạp, nhận lấy cảnh giới.

d) Trí-nhớ là khí cụ để phân biệt quán-tưởng pháp lành hoặc dữ đã phát sanh rằng pháp ấy chỉ là pháp, chẳng có chúng sanh, người, thân ta, thân người gọi là trí nhớ quán-tưởng pháp (Dhammānupassanāsatipatthāna).

**Chánh-định.** — (Sammāsamādhī) là tâm yên-lặng, là tâm-định trong 4 bậc thiền, là phương pháp tu tâm cho an-tĩnh xa lánh ngũ-dục, lia khỏi ác-pháp, nhưt là 5 pháp cái đặt vào trong 5 chi thiền :

a) **Tâm** (Vitakka) là trạng-thái của tâm lên bắt lấy đề mục thiền-định làm cảnh-giới.

b) **Sát** (Vicāra) là tâm quan-sát suy-nghĩ đề mục thiền định.

c) **Phỉ** (Pīti) là thân tâm no đủ, vui sướng, nhẹ nhàn, mát mẻ trong đề mục thiền định.

d) **Lạc** (Sukkha) là thân tâm an-vui thơ thới do phỉ phát sanh.

e) **Định** (Ekaggatā) là tâm an-tĩnh trong một cảnh-giới. Khi tâm có đầy đủ cả 5 chi thiền ấy gọi là đắc sơ-thiền (Pathamajjhāna).

Khi tâm được trong sạch vững-vàng thêm lên nữa, dứt bỏ tâm và sát, chỉ còn phi, lạc và định, đầy đủ cả 3 chi ấy gọi là đặc nhị-thiền (Dutiya-jhāna).

Tâm càng vi-tế cực lạnh, dứt phi, chỉ còn lạc và định có đầy đủ hai chi ấy gọi là đặc tam-thiền (Tatiyajhāna).

Tâm vi-tế thêm nữa, vô-ký trong các cảnh giới, dứt lạc, biến thành xả và định, có đầy đủ cả 2 chi ấy gọi là đặc tứ-thiền (Cattutthajhāna).

Cả 3 chi đạo thuộc về pháp trau dồi cái tâm trở nên trong sạch, xa khỏi điều dơ-bẩn là các phiền não, nên đặt vào trong định học (Samādhisikkā) hoặc tâm học (Cīttasikkhā).

Đạo có đầy đủ cả tám chi ấy có giải rộng, bao trùm các đường đạo khác, như là phép trí-túc (sañña) quán-tưởng trong khi thọ tứ vật-dụng (Paccavekkana), lục-căn thu-thúc (Indriyasamvaram), cũng gom vào trong giới hạn của đạo có tám chi như : chánh-kiến là thấy phải cũng gọi là hiểu chơn chánh, vừa lòng theo lẽ phải luôn cả phần phàm và phần thánh cho đến tương, thể, nhân-quả Đức Phật có giải trong kinh « Mahacīttarisaka sutra rằng : Chánh kiến là chủ-tể các chi

---

(1) Có giải rõ nơi tương sau.



Đạo vi là nguyên nhân cho thấy rõ : như vậy là tà kiến, như vậy là chánh tư-duy, như vậy là tà tư-duy ; cho đến như vậy là cao, như vậy là thấy, cả phần quấy và phần phải là nhân sanh sự tin-ngưỡng, cho nên các pháp có chánh-tín đều khếp vào chánh-kiến, dầu sự hiểu phải lẽ như hiểu bố thí được phước, tạo nghiệp phải thọ quả, không tiêu diệt, kiếp vi lại có, địa ngục, thiên đường cũng có, đời này và đời sau cũng có, như thế, cũng vẫn gọi là Chánh kiến cả. Lý thuyết đã giải đây chỉ lời thí dụ cho thấy rằng : Đạo có tám chi, có nghĩa lý sâu xa rộng lớn bao trùm cả các pháp lành khác.

Sự tu hành là trau dồi thân khẩu trong sạch lánh khỏi tội, theo thân môn và khẩu môn gọi là « giới » (sīla) ; sửa trị, cho tâm yên lặng gọi là « định » (samādhi) ; làm cho trí-tuệ sắc bén, chắc đứt các phiền não gọi là « tuệ » (paññā). Đây giải cho thấy rằng đạo có tám chi đầy đủ gọi là « giới, định, tuệ ».

Trong đạo có đầy đủ tám chi ấy : chánh-kiến như người hướng đạo (magguddesaka) dắt dẫn các chi khác cho phát sanh. Các chi khác sanh, trợ tiếp chánh-kiến cho thêm sức mạnh.

Chánh kiến cũng giúp các chi đạo kia dần dần càng thêm mạnh mẽ. Đạo có tám chi giúp đỡ nhau,

hiệp lực nhau, dắt dẫn nhau, khi đã được thường hiệp lực rồi, sức mạnh càng tăng trưởng thuận-thực dần dần, là nhân cho thánh đạo, thánh quả sẽ tùy thời mà phát sanh ra được.



## HÀNH GIẢ ĐẤU CHIẾN VỚI PHIỀN NÃO NHỜ SỰ HIỆP LỰC

Đạo có tám chi ấy như một đại binh do tám đội binh nhỏ hiệp lại, có đội chiến binh, đội lao-động, đội vận lương, đội lương-y vân vân... đội binh lớn ấy có Chánh-kiến là vị tướng soái vì sự hiểu chơn chánh thuộc về trí-tuệ, ví như người lúc xem thấy rõ phiền não rồi cầm khí giới là trí-tuệ, tính đao búng gốc rễ phiền-não, ái-dục liệng bỏ cho dứt... Đứng vững trên đất là chi đạo thuộc về phần giới là : chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh-mạng). Mà khí giới với đá mài là chi đạo thuộc về phần định (là : chánh-niệm, chánh tinh-tấn, chánh định) khi khí giới đã mài bén dùng dẫn rồi, đoạn trừ quân-nghịch là phiền-não (1), ái-dục cho tiêu tan hết, do sự hiệp-lực của các chi đạo, như dây đoid có tám tao xe nhập lại.

---

(1) — Phiền não là buồn rầu cực nhọc.

Những gốc rễ của các sự khổ là : « vô minh » là gốc, rễ cái, có nhiều rễ con chia tẻ ra vô số, như trong thập nhị nhân-đuyên (1) (Paticcasamup-pada) : đức Phật thuyết vô-minh đứng đầu, sự khổ sau cuối cùng, nghĩa là vô-minh là nơi cu-hội phát sanh những điều tội-lỗi trừ trong tâm chúng sanh. Các tội lỗi hoặc phiền-não ấy đều là vật kiên chắc chứng sanh với nhiều sự khổ, cho nên gọi là sử (2) (saṅnojana).

Phiền-não buộc rịt ấy chia ra có mười thứ mà người đoạn trừ được nhờ có đạo bốn là « thành đạo ».

Các phiền-não ấy chia ra làm hai phần, phần thô-thiền và phần vi-tế. Phần thô-thiền có tác ý phát sanh, thấy rõ minh và người như sự tham lam (abhijjhāvisamalobha) và sân-hận (dosa).

Còn phiền não vi-tế ẩn núp trong tâm như lậu phiền não (3) (āsava), thụy-miền (anusaya) không

---

(1) — Có giải trong Phật ngôn thiết lục.

(2) — Sử là phiền não hay sai khiến chúng sanh xoay vần trong chốn mê làm khổ não.

(3) — Lậu phiền não là phiền não hay khiến chúng sanh ngủ ngầm trong bà-cối, luân chuyển trong sáu đường, hử lọt như nhà bị dột, rơi giọt nước dơ bẩn.

rõ-rệt là phiền não do tác ý, nhưng có thể giúp sức cho phiền não thô-thiền. Hành giả đoạn được cả hai phần phiền não cần phải nhờ thắng lực của « thánh đạo tuệ » (Ariyamaggānāna) đã phát sanh rõ rệt nương theo đạo có tám chi hiệp lực lại đầy đủ giờ nào, thì phát sanh « thánh thiện tâm sở » (Lokuttarakusalacetasika) làm cho thánh đạo tuệ phát sanh trong giờ ấy. Sự hiệp lực nhau có thể phát sanh trong thời hành pháp minh-sát hoặc trong thời nghe pháp của Đức Thiên-nhơn-sư, tâm thọ được cảnh giới dễ dàng giờ nào, đạo hiệp lực trong giờ ấy.



## CHI ĐẠO HIỆP LỰC MỚI THÀNH-TỰU

### THÁNH-ĐẠO

Sự hiệp lực của chi đạo, chỉ phải đến mục thành-tựu, thành đạo ấy chưa thành-tựu được liền trong thời công phu tham-thiền hoặc trong khi tu pháp minh-sát lúc đầu, nhưng được chứng quả trong giờ cuối cùng của sự tiến hành pháp minh-sát, khi tâm nhảy lên niu thánh-tuệ hoặc « đạo tâm » đầu tiên phát sanh, tiếp theo « minh-kiến thuậ-

sát-tuệ » (1) (saccānulomikanāna) (gotrabhūnāna) do thắng lực của tâm sở (2) mà mình được trau dồi từ trước cũng có hoặc mới tu bổ thêm phát sanh trong thời ấy cũng có, hiệp lực tạo ra thành đạo tuệ là khí cụ để trừ phiền não vô-minh cho tiêu-tan, làm cho trí-tuệ phát-sanh, vì như sự nổi lửa trong nơi tối ; tối tiêu-tan, ánh-sáng phát sanh trong thời ấy.

Khi tám chi đạo hiệp lực tạo ra trí tuệ là khí cụ để giác ngộ pháp diệu đế, diệt ba sử đầu tiên được, do thánh đạo trong bậc đầu của đạo gọi là « Tu-đà-hườn đạo-tuệ » (solāpattimagganāna).

Nếu « thiện tâm sở » phát sanh còn mạnh mẽ nhiều, khi tâm xuống giữ thường tâm (bhavanga) trong thời mà tu-đà-hườn đạo tâm diệt rồi, hiệp lực làm cho tư-đà-hàm đạo tâm phát sanh, đoạn trừ sử còn dư sót cho tiêu diệt dần dần. Nếu thánh đạo còn nhiều đồng lực làm cho A-na-hàm đạo tâm và A-la-hán đạo phát sanh đến mức diệt tận tất cả sử không còn dư sót.

---

(1) — Trí tuệ thấy rõ vì quan sát thuận theo chín phép minh-sát.

(2) — Tám sở là pháp sở hữu phụ thuộc của tâm-vương

Nên hiểu rằng thời mà đạo tâm xuống giữ thường tâm rồi phát sanh lại ấy, rất mau chóng, chớ nên mới có lời rằng: Ông này chứng tu-đà-huờn quả, ông này chứng tư-đà-hàm quả, ông này chứng A-la-hán quả như thế, chỉ một lần ít khi nghe nói về sự hành trình của đạo tâm sanh và diệt theo từng bậc.

Chi đạo hiệp lực nhau, tạo ra bốn bậc đạo tâm đặc trí-tuệ để giác ngộ diệu đế là :

- 1' Tu-đà-huờn đạo-tuệ (Solāpattimagganāna) (1)
- 2' Tư-đà-hàm đạo-tuệ (Sakadāgānimagganāna) (2)
- 3' A-na-hàm đạo-tuệ (Anāgānimagganāna) (3)
- 4' A-la-hán đạo-tuệ (Arahattamagganāna) (4)

Sự thành tựu bốn bậc đạo tuệ đều nhau trong thời gian rất ngắn chẳng chần chờ qua đêm ngày

---

(1) dịch là : Dự-lưu (dự vào dòng thánh).

(2) dịch là : Nhất-lai (còn thọ sanh lại trong thế-gian này một lần nữa).

(3) dịch là : Bất lai (không còn thọ sanh lại trong thế-gian này nữa).

(4) dịch là : Ứng cúng, vô-học, vñ-sanh.

tháng, năm, hoặc qua đến đời khác, nghĩa là đắc A-la-hán đạo chỉ một lần.

Điều này chỉ do nơi căn và duyên pháp có ít hoặc nhiều cao hay thấp của người hành giả, là điều trọng yếu.

Bốn bậc đạo tuệ ấy có phần sự đảo bưng thuy-miên (Anusaya) lậu phiền-não (āsava) ẩn núp trong tâm cho tiêu diệt ; nhưng nhiều loại phiền-não mà đạo tuệ đảo bưng ấy gọi là sử (Sannojana) là loại phiền não buộc rịt tâm chúng sanh phải xoay vào trong vòng sanh tử, chia ra có mười loại.

1. — *Thân-kiến* (Sakkāyadiṭṭhi) là sự hiểu rằng thân thể là của ta, hiểu rằng sắc, thọ, tưởng, hành, thức là của ta hoặc ta có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, như thế. Đó là sự hiểu quấy, là nhân thủ (1) rằng : thân hoặc vật dính với thân này là ta, là của ta, là nhân sanh ra tại khổ nhiều thứ. Loại phiền-não này thuộc về phần si-mê.

2. *Hoài-nghi* (Vicikicchā) là sự ngờ vực nghi ngại trong sự hành đạo, là phương pháp giải thoát khỏi những thống khổ, cho đến ơn đức Tam-bảo là nơi nương nhờ cao quý của thế gian mà cũng còn nghi ngại, nửa tin nửa ngờ làm cho buộc ràng trí

---

(1) — Thủ là giữ lấy,

não, suy xét không ra hết một đời hoặc hết hạn kỳ mà minh chưa đoạn trừ được. Loại phiền não này cũng kể vào phần si mê.

3.— *Giới cấm thủ* (Sīlabbataparamāsa) là sự giữ giới sai lầm, không phải chơn chánh mà chấp là chơn chánh, như tin rằng hành được các đức cao quý, như chấp rằng học thiền-định được biết gông chém không đứt, bản không nổ... không hiểu đó là phượng tiện để trao đổi tâm tánh cho trong sạch, khỏi điều dơ bẩn. Đó là phiền não, cũng khếp vào phần si-mê.

4.— *Tinh-dục* (kāmarāga) là tinh yêu mến trong vật-dục (vatthukāma) do thế lực của phiền não dục (Kilesakāma) cố gìn giữ trong tâm không chịu buông rời trong các cõi hoặc trong thế gian, có thứ dục thuộc loại phiền-não về sự thương yêu triu-mến, trong ngũ-dục là : sắc, tiếng, mùi, vị, dụng chạm. Loại phiền-não này kể vào phần tinh dục (rāga) hoặc xan tham (lobha) vị-tế.

5.— *Uất-ức* (patigha) là sự bức tức trong tâm ; những điều xốn-xan, khó chịu do sân-hận mà phát sanh đều thuộc về phần sử này cả. Đó là phiền-não về loại sân-hận.



Cả 5 sử này kể vào bậc thấp, gọi là sử phần hạ-cấp (arambhāgiyasaññojana) có năng lực buộc rịt chúng sanh trong hạ-giới (dục-giới).

6.— *Sắc dục* (rūparāga) là sự thương yêu vừa lòng trong sự an vui phát sanh do thắng lực của thiền-hữu-sắc hoặc tâm dính chặt trong cõi sắc, là phước báo của sắc thiền, tâm cố chấp thiền định về phần sắc thiền.

7.— *Vô sắc-dục* (arūparāga) là sự yêu mến vừa lòng trong cảnh-giới phát sanh do thắng lực của thiền-vô-sắc, hoặc tâm luyến trong vô-sắc-giới về phần thiền vô sắc, tâm cố chấp trong thiền vô-sắc. Đó là phiền-não cũng kể vào trong loại tình-dục, song là tình-dục cực kỳ vi-tế.

8.— *Ngã-mạng* (māna) là sự chấp « ta » như vậy, như kia vì sự phân biệt giai cấp, tông phái sang, hèn, giàu, nghèo hoặc vì một lẽ gì khác; là nhân đem mình so sánh với người khác rằng: ta hơn người, ta bằng người, ta thấp hèn hơn người và có tính hay giận.rung. Phiền-não này kể vào trong loại si-mê.

9.— *Phóng-vật* (Uddhacca) là tâm phóng dăng, khó chú trọng về một việc gì, lòng buông thả, khi trời, khi sự không ở yên một chỗ, không trau dồi,

lo nghĩ, chỉ an dật tự nhiên. Đó là phiền-não cũng kể vào trong loại si-mê.

10. — *Vô-minh* (*avijjā*) là tư cách không biết rõ, là nói về sự ngu dốt không hiểu, không thông, không vừa lòng các pháp theo lẽ phải, tự nhiên, là căn sanh các ác-pháp, là nguồn gốc của tất cả phiền não.

Cả năm sử sau, từ thứ sáu đến thứ 10 này, thuộc về phần sử cực-kỳ vi-tế gọi là sử phần cao cấp (*Uddhambhāgiyasāññojana*) là sử về phần cao có năng lực trói chặt chúng sanh trong thượng giới là cõi sắc và vô-sắc.



## PHƯƠNG-PHÁP DIỆT TRỪ SỬ PHIỀN-NÃO CỦA THÁNH ĐẠO (*ARIYAMAGGA*)

Cái tâm trau dồi để tiến hành pháp minh sát niệm<sup>(1)</sup> chỉ sau khi có trí-tuệ đã bén nhọn như hoàng kiếm<sup>(2)</sup> của thánh đạo đến mức gọi là « tu-đà-hườn-đạo tuệ » có thắng lực vừa đoạn tuyệt được sử thứ 1, 2, 3, (thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ) nếu chưa chắc dứt được, vì trau dồi

---

(1) - Có giải trong Thanh-tịnh kinh giải.

(2) — Hoàng-k kiếm là cây kiếm rất quý mà các vị Đế-vương thường mang.

chưa đến mức bên tu-đà-hườn đạo. Quả tâm được thanh tựu nhờ đã đào bứng được sử gọi là Tu-đà-hườn quả tuệ là bậc có danh hiệu « nhập lưu » (solāpanna) là người đến dòng nước chảy về Niết-Bàn, không còn thối chuyển theo thường như nghĩa là sẽ chứng quả A-la-hán trong trời vị lai không sai. Sự thành công chậm hoặc mau ấy là do căn và duyên phần của mỗi người. Các sử khác, mặc dầu chưa diệt được, cũng có thể làm cho nhẹ nhàn hơn khi còn ở bậc thường như.

Tâm của bậc « nhập lưu » (solāpanna) đã được sửa trị cao thêm đến mức gọi là « Tư-đà-hàm-đạo tuệ » (sakadāgāmaggañāna) chắc dứt được sử như bậc nhập lưu, song đã làm cho mấy sử khác được nhẹ nhàn hơn, luôn đến tình dục (ragā) sân-hận (dosa) si-mê (moha) phần thô thiển cũng đã giảm sức hơn bậc nhập lưu. Quả tuệ bậc trên kế tiếp gọi là « tư-đà-hàm-quả tuệ » (sakadāmi-phala). Bậc này gọi là « nhứt lai » là bậc còn thọ sanh lại làm người một lần nữa.

Tâm của bậc Tư-đà-hàm trau-dồi được cao thượng thêm nữa đến mức gọi là « A-na-hàm đạo tuệ » (anāgāmi-maggañāna) và đào bứng thêm được 2 sử là sử thứ 4, 5, « tình-dục » (kāmarāga) uất-ức (patigha) cộng lại làm 5 thứ sử hoặc sử bậc hạ

(orambhāgiyasannojana) mà thánh đạo bậc này đã tận diệt rồi. Quả tâm phát sanh tiếp tục gọi là A-na-hàm quả tuệ (anāgāminiphalañāna). Người chứng được đạo quả bậc này gọi là : « Bất lai » là bậc không còn thọ sanh làm người trong thế gian này nữa.

Tâm của bậc A-na-hàm đã tu tập được cao-thượng thêm đến mức gọi là « A-la-hán đạo-tuệ » (Arahattamaggañāna) có thể cắt đứt cả 10 sử chẳng còn dư sót. Liên tiếp quả tâm sẽ phát sanh gọi là « A-la-hán quả tuệ » (arahattaphalañāna). Bậc được chứng quả gọi là A-la-hán là bậc đã đoạn tuyệt sanh, cảm của bánh xe luân hồi và được nhập Niết-bàn trong kiếp hiện tại.

## PHƯỚC BÁO CỦA SỰ HÀNH ĐẠO

Lậu phiền não, thụy-miên ẩn núp trong tâm ví như quân nghịch rình rập để báo thù làm hại chúng phải thường chịu khổ não, xót xa, nóng nãy không ngừng nghỉ, thừa dịp trộm cướp, đạo đức của chúng ta phải tiêu hủy, lạng chơ rối lọng, loạn tánh không thấy rõ chơn lý. Đó là quân-nghịch khuấy rối, sanh ra đều cực nhọc đớn đau trong mỗi kiếp. Sự trau dồi đức tánh theo lý trung đạo, ví như sự đánh

đuổi quân nghịch đồn trú trong thân tâm ta, cho nó chạy ra khỏi.

Thánh quả phát sanh sau khi tiến hành thánh đạo, thì thân tâm được im-lặng có sự an vui thoải mái, vì không còn bị quân-nghịch làm hại.

Lại nữa, đạo có tám chi ấy là con đường đạo cao quý hằng làm cho trí tuệ thanh tịnh thấy rõ pháp diệu-đế một cách tường tận (nānadassana) có thể làm cho dứt cả sự khổ, thọ hưởng an vui như sở nguyện, không sai. Cho nên Đức Thế tôn khuyến khích hàng Phật tử hành theo bát thánh đạo như Phật ngôn rằng: « Đạo là con đường có tám chi « cao thượng hơn tất cả các con đường, nếu chúng « sanh thực hành theo, sẽ trở nên thanh-tịnh-đúng « đắn, nhờ có trí-tuệ thấy rõ pháp diệu-đế. Các « người hãy đi theo con đường ấy, rồi sẽ được « dứt những khổ não, thọ hưởng an vui thanh- « tịnh y như chí-nguyện ».



## CÁCH THỨC HÀNH ĐẠO THEO THÔNG THƯỜNG

Sự hành đạo của người, lấy « đời làm trọng » (Lokadhīpateyya) hoặc lấy « mình làm trọng »

(Attādhīpateyya) chẳng phải là nhân đem mình ra khỏi biển khổ, nhưt là sanh khổ, đau, chỉ là trau dồi thân, khẩu ý cho được thuần-lương, không có tội theo thế gian thôi. Về phần tu lấy « pháp tâm trọng » (Dhammadhīpateyya) không tùy đời, không theo mình, chỉ thực hành chánh pháp mới gọi là pháp phương tiện đem mình ra khỏi khổ từng bậc, cho đến Niết-bàn là nơi cứu cánh giải thoát.

Tiếp theo đây, xin giải về sự tu tập trau dồi trí nhớ và trí tuệ, chia ra làm năm phần là :

### 1.— Giới (Sīla)

Giới là sự thu thúc thân, khẩu theo qui luật, không cho phát sanh tội lỗi theo thân môn và khẩu môn, là sự trau dồi thân và khẩu cho đoan chánh, lánh xa luật cấm, ở theo lời Phật chuẩn hành khí hành giả tri-giới được trong sạch đầy đủ rồi, thì hằng thọ phước báo mát-mẽ an-vui, gọi là « giới ».

Giới chia ra làm từng chi, có nhiều thứ, nhiều phần, có ngũ giới, bát quan trai giới, thập giới, cụ-lúc-giới (227 giới), đều là lời Phật cấm răn để dứt các tội lỗi phát sanh do thân môn và khẩu môn, là điều ngăn ngừa sửa trị sự hành vi bên

ngoài cho đoạn chánh theo luật định, dầu có sơ thất về dương tâm cũng không sao phá giới được. Giới là phương phép thực hành cho có trật tự trang nghiêm theo mỗi hạng người. Nếu chia theo bậc thì có hai :

1. Giới của bậc cư-sĩ gọi là « tại gia giới » (Agāriyasīla) hoặc tại-gia luật (Agāriyavinaya).

2. Giới của hàng xuất gia gọi là « xuất-gia giới » (anāgāriyasīla) hoặc xuất gia luật (anāgāriyavinaya).

Khi hành giả đã giữ giới theo bốn phạm mình được rong sạch đầy đủ rồi, giới hộ-trợ cho định thêm sức mạnh hoặc cho thiền-định phát sanh.

## 2.— Thiền định (Samādhi)

Tri-giới được trong sạch đầy đủ, ví như hành giả đứng vững trên nấc thang đầu tiên, tiếp theo, nên tiến hành phép thiền-định ví như nấc thang thứ nhì.

Thông thường, tâm của phàm nhơn hằng biến đổi, vọng chuyển phóng túng theo các cảnh giới, khô an-trụ, thương hay buồn thả, đeo níu cảnh, giới vừa ý, lia xa cảnh giới trái ý và quyến luyến theo ái-dục. Không ngừng nghỉ, không êm lặng, ví như loài khỉ hoặc trẻ con. Cho nên, người chưa

quán tướng thấy rõ : sanh, già, đau, chết, là sự khổ lớn lao của chúng sanh, thì rất khó sửa trị cái tâm ở theo chánh pháp, song những người đã nhàm chán, ghê gớm danh sắc không sanh lòng cảm súc và tìm đường để thoát khỏi thống khổ, là người có phước đức dày dặn, dầu chưa tham thiền được nhiều cũng có thể thành-công đắc-quả dễ dàng, có khi chỉ nghe pháp của Đức Thế-tôn mà được chứng quả.

« Thiền-định » là phép làm cho tâm an-trụ khẩn-khít, vững-vàng trong một cảnh giới, là dùng trí nhớ buộc tâm mình dính với một đối-tượng. Về cảnh giới của tâm thì cái chi cũng được, chỉ làm sao cho tâm đừng vui thích theo tình dục, phiền-não thôi.

« Thiền-định » kỳ thực, kể ra có nhiều phép... song tóm tắt có 40, sau khi đã chọn lựa, chỉ lấy những pháp đại cương hợp lại làm từng phần để làm qui phạm. Cả 40 phép phương tiện ấy là cảnh giới để buộc ràng cái tâm cho an trụ vững bền, cho vừa phát sanh thiền-định, như phép Kasin (1) và phép niệm theo hơi thở. Những phép không có thể làm cho tâm nhập-định là phương tiện đem cái tâm đến bực cận-định như phép niệm phật, niệm pháp, niệm bồ thí (2)

---

(1) (2) Có giải trong tạp chí ánh sáng phật-pháp.



Tâm tìm suy xét trong các cảnh giới gọi là « Tâm » (vitakka) ; tâm xem xét quán-tưởng các cảnh giới ấy gọi là « Sát » (vicāra) ; « làm nhớ » gìn giữ tâm và sát không cho vọng niệm trong các cảnh giới khác, như bò mà người buộc chặt với cây nọc, hằng vùng vẫy, chuyển động, cho đến khi sức cùng lực tận rồi mới chịu té, ngã nằm bên cây nọc ấy, gọi là « Tĩnh » (3). Khi tâm đã tĩnh, « phi » phát sanh, tiếp tục, « lạc » cũng phát sanh. Nếu có thắng lực vừa cho tâm an-trụ trong một cảnh giới, thì « tâm-định » phát sanh ấy gọi là nhập sơ thiền, có đủ 5 chi : tâm, sát, phi, lạc, định. Nếu thiền-định có thắng lực mạnh mẽ, tâm càng vi tế hơn là nguyên nhân đặc thiền-định bực trên theo thứ tự (xem nơi trước có giải về 8 chi đạo ở nơi trước).

Cận-định là thiền-định chưa được khấn khít bền bỉ, chỉ là bực gần nhập định, mặc dầu có tâm, sát, phi, lạc cũng chưa đủ thắng lực sanh định, nên chưa có thể gọi là định được. Ví như trẻ con mới tập đứng, dầu đứng ngồi được chốc lát cũng chưa có đủ sức lực đứng cho bền vững, đứng lên rồi phải té xuống, cứ vẫn đứng, té luôn,

---

(3) — Tĩnh nghĩa là : êm lặng.

song trong thời mà tâm ở bậc cận-định, nếu cố gắng tinh-lấn tiến-hành phép minh-sát niệm, quán tưởng ba tướng (vô-thường, khổ-não, vô-ngã) cũng có thể thành tựu, thấy rõ được chút ít pháp diệu-đế, chỉ khác nhau là không đắc các đức cao thượng thêm nữa, như các pháp thần thông.

Thiền định là tâm xa khỏi pháp cái, là tâm mềm mại dịu dàng đang hành sự, muốn thấy thế nào cũng có thể thấy được, do thắng lực của thiền định non hoặc già. Những người muốn được giải thoát không cầu đắc phép thần-thông hằng đem tâm tìm suy xét thân thể hoặc năm uẩn của mình và của người, chia ra từng phần mà lòng còn hoài nghi là « ta » là « vật thường tồn lâu dài » hoặc có sự an vui như thế. (1)

### 3.— Trí-tuệ (Pannā)

Khi tâm đã khấn khít là đắc thiền định rồi, có tâm mềm mại sẵn dành để tiến hành, quán tưởng sắc pháp và danh pháp mà mình cần phải thấy, cần phải giác ngộ từ bậc thô-thiền cho đến bậc cực kỳ vi-tế cả về phần chung và riêng, từ trên xuống dưới, dưới trở lên trên từ khi mới thọ sanh rồi biến đổi, cho đến lúc tiêu diệt là nơi cuối

---

(1) — Xem thêm phép miab sát trong quyển « Thanh-tịnh kinh-giải ».

cùng. Trí-tuệ là khí cụ để quán-tưởng nhân quả theo thứ tự, theo pháp minh-sát-tuệ, chia ra làm 9 bậc là :

1. Trí-tuệ quán-tưởng thấy sự sanh và diệt, là quán-tưởng thấy cả sự sanh và sự diệt của danh sắc. (Udayabhayānnpassanāñāṇa).

2. Trí-tuệ quán-tưởng thấy sự tan rã, tiêu diệt, của danh sắc (Phaṅgānupassanāñāṇa).

3. Trí-tuệ quán-tưởng thấy danh sắc rõ rệt, là cái đáng ghê sợ, là tưởng xét thấy danh sắc phân minh có thể tưởng đáng ghê sợ, như các thú dữ, như thấy sư-tử (Bhayatūpatthānañāṇa).

4. Trí-tuệ quán-tưởng thấy tội lỗi, là tưởng xét thấy tội của danh sắc rõ rệt, như thấy nhà đang bị lửa cháy (Adinavānupassanāñāṇa).

5. Trí-tuệ thấy sự nhàm chán vì thể tướng, xét thấy danh sắc ấy chỉ có tội lỗi thôi (Nibbidānupassanāñāṇa).

6. Trí-tuệ quán-tưởng thấy, chỉ muốn được giải-thoát là muốn ra khỏi danh sắc mà mình nhàm chán ấy, như thú mắc bẫy muốn thoát khỏi bẫy (Muncitukamyatāñāṇa).

7. Trí-tuệ quán tưởng tìm đường chọn-lựa, rảo-kiểm trong danh sắc để tìm phương giải-thoát, như

loài chim (Samuddasakunī) (1) xuống tắm chơi trong biển (Patisankhānupassanānāna).

8. Trí tuệ quán-tưởng thấy, tâm vô ký trong danh sắc, như người đàn ông vô ký với vợ đã từ bỏ hẳn rồi (Sankhārupekkhānāna).

9. Trí tuệ hành vừa theo sự giác ngộ pháp diệu-đế trong thời của tâm thuận minh-sát phát sanh trong « tâm tìm cảnh giới trong ý » (Manodvārāvajjana) chặt bỏ thường tâm (bhavangacitta) sau sankhārupekkānāna, trong thời thánh đạo sẽ phát sanh.

Sự tu pháp tuệ niệm không muốn đặc phép thần thông là điều ràng buộc, vì chẳng phải là pháp diệt trừ phiền-não mê lầm, trái lại, là điều trở ngại sự hành trình của hành giả chỉ muốn giải-thoát khỏi sự khổ. Sự thị hiện thần thông cần phải nhập định cho thuần-thực, đều đủ làm cho người sanh lòng tin ngưỡng ngổ hầu đề hoằng pháp trong thời gian mà người đang xu hướng theo thần thông. Còn về phần tuệ niệm cần phải dùng trí tuệ quán-tưởng danh sắc cho giác ngộ pháp diệu-đế để đoạn tuyệt phiền não, tiến hành theo chính pháp minh sát-tuệ như đã có giải Phiền

---

(1) — Chim Samuddasakunī hằng tìm phương bay qua khỏi biển mặc dầu biển rộng minh-mạng khi mệt thì tắm xuống biển, tắm rồi, lo bay nữa cho đến bờ biển.

não về phần thụy-miền (anusaya) hoặc sử (sañño-jana) ẩn núp trong tâm kể vào ác pháp của tâm. Đạo đã tu tập khi có cơ hội hiệp-lực nhau làm thành đạo cũng theo đoạn trừ thụy-miền hoặc sử cho tiêu diệt. Đây thuộc về thiện pháp của tâm.

Lại nữa, về ác pháp là « vô minh » có nhiều danh hiệu khác thêm nữa như là tối-lắm, ngu dốt, mê-mụi, mù...

Về phần thiện là « minh » có nhiều danh hiệu khác thêm nữa, như là : sáng sủa, trí-tuệ, ánh-sáng, mắt...

« Vô minh » và « minh » ấy đều có rất nhiều chi dắt dẫn hộ tống, nhưng đây chỉ gọi chung là « vô minh » hoặc « minh » thôi. Vì hai pháp này chủ tể đứng đầu của tất cả ác pháp và thiện pháp.

### Đạo quả. (1)

Pháp lành bực thượng, hiệp lực nhau do thắng lực thiền định và trí tuệ tạo thành tâm sở, pháp làm cho phát sanh tâm cao thượng gọi là đạo tâm hoặc đạo tuệ. Tâm này phát sanh đoạn trừ chướng

---

(1) — Bốn đạo : tu-đà-huôn đạo, tu-đà-hàm đạo, an-a-hàm đạo, a-la-hán đạo.

Bốn quả : tu-đà-huôn quả, tu-đà-hàm quả, a-na-hàm quả, a-la-hán quả.

ngại trong thời đồng nhau. Thời tâm này gọi là thời của đạo tâm tồn tại chỉ một thời rồi diệt, phát sanh tức tức tâm mới, trong thời ấy gọi là « quả tâm » hoặc là « quả tuệ ».

Đạo tuệ, quả tuệ chia ra làm bốn bậc có thấp cao hơn nhau thế nào, như đã có giải, ở nơi trước. Đến khi tâm bậc tối thượng là A-la-hán quả phát sanh rồi gọi là bậc cuối cùng của đạo quả là bậc Niết-bàn.

### Niết-bàn. (1)

Đạo ví như sự chặt đứt dây nò lệ, buộc trời, chặt đứt được nhiều ít theo thẳng lực của đạo quả, như sự giải thoát khỏi nò lệ buộc trời thân tâm được hưởng mọi bề hạnh phúc chẳng còn bị ràng buộc nữa, quả cuối cùng là thân tâm được an-vui thanh-tịnh. Nghiệp dữ cũ đã đứt, nghiệp mới cũng chẳng có, cả phần phước và phần tội.

Đức A-la-hán làm việc gì chỉ là « làm » không sanh « kết quả » (vipaka) (2) vì đã đứt hẳn lậu phiền não rồi. Tâm của các ngài trong sạch, lánh xa sự cố chấp vì tâm thủ, không có nhân duyên là khi

---

(1) Niết-bàn có ba nghĩa : ra khỏi tam giới, dứt tuyệt ái-dục, giải-thoát sanh tử luân hồi.

(2) Kết quả là kết cục của việc đã làm.

cụ lâm cho thọ sanh trong cảnh vui hoặc cảnh khổ trong kiếp vị-lai nữa. Tâm của các ngài đã yên lặng an-vui thanh-tịnh cao-thượng dầu còn năm uẩn là nơi cư-trú của sự khổ, như chúng sanh thường tình, song các ngài không thọ khổ vì đã đoạn tuyệt nguồn gốc của tất cả điều khổ não, không cho sanh chồi mọc nhánh nữa, chỉ còn chờ thời kỳ tiêu diệt theo lẽ thường của danh sắc thời; bực này gọi là hữu dư y Niết-bàn (sāupādisesa-nibbāna) đã diệt tất cả phiền não chỉ còn năm uẩn (hoặc gọi vẫn tất là Niết-bàn cũng được). Đến khi tịch diệt hoặc vì lẽ gì chẳng hạn, mà năm uẩn của các ngài tiêu-diệt, song diệt như đây gọi là diệt cả năm uẩn và phiền não, chẳng có chi là nhân duyên sanh năm uẩn mới trong cõi mới nữa là tất như ngọn đèn hết dầu hết tim rồi tắt, như thế gọi là « vô dư y Niết-bàn » (Anupādisesanibbāna) nghĩa là : tất tất cả, chẳng còn cái chi dư sót (hoặc gọi vẫn tất là Đại Niết-bàn) (Parinibbāna) cũng được.

Theo lời đã giải đây, tóm tắt lại rằng : Giới, định, tuệ là pháp hành còn đạo quả Niết-bàn là pháp thành (xin xem bản đồ có giải rõ ở sau).

Tiếp theo đây xin trích soạn những lời Phật ngôn trong các kinh để làm tài liệu thêm cho **hạnh giả**.

*Có Phật ngôn rằng :*

Này các thầy Tỷ-khuru ! Trong rừng có một cái bung là nơi mà bầy thú thường xuống uống nước, có một người mong giết bầy thú ấy, liền ngăn chặn đường lên của chúng, mở rộng con đường có sự lo sợ đến bầy thú, rồi đem thú cái, thú đực đến làm mồi, bầy thú rừng ấy phải bị hại thừa thốt đi lần lần. Có một người nữa là người mong mỗi điều hạnh phúc đến bầy thú ấy, mới chặn bít đường có sự nguy-hiểm, mở đường khỏi điều lo sợ và bắt bỏ thú mồi ấy ra, đến sau, bầy thú lại dần dần trở nên đông đúc. Này các thầy Tỷ-khuru ! Như-Lai đem thí dụ này cho các người hiểu rõ rằng : bung tức là ngũ-dục, bầy thú đông đúc ấy tức là tất cả chúng sanh, người ngăn chặn đường làm hại bầy thú tức là ma vương, con đường có sự lo sợ tức là đường tà đạo có tám chi là :

1. Hiểu quấy, 2. Suy nghĩ quấy, 3. Nói quấy,
4. Nghề quấy, 5. Nuôi mạng quấy, 6. Tiến lên quấy,
7. Nhớ quấy, 8. Định tâm quấy.

Thú mồi đực tức là tình dục, vì thế lực của sự vui sướng sa mê, thú mồi cái tức là phiền nặc vô-minh, người muốn sự hạnh phúc (đến bầy thú) là Như-Lai, con đường không có điều lo sợ là



thành đạo có tám chi là :

1· Hiểu phải, 2· Suy nghĩ phải, 3· Nói phải, 4· Nghề phải, 5· Nuôi mạng phải, 6· Tiến lên phải, 7· Nhớ phải, 8· Định tâm phải.

Nầy các thầy Tỷ-khuru ! Con đường có điều hạnh phúc, Như-Lai đã khai mở rồi, đường xấu xa Như-Lai đã ngăn bít rồi, thú mồi đực thú mồi cái Như-Lai đã bắt bỏ rồi, như thế ấy.

Sự thực hành theo thánh đạo có tám chi là nhân cho đắc Niết-Bàn, *Đại Đức Xá-Lợi-Phất* có giải rằng :

« Nầy các ông ! Đạo là đường tu hành cho thấy rõ Niết-Bàn, là thánh đạo có tám chi : 1· Hiểu phải, 2· Suy nghĩ phải, 3· Nói phải, 4· Nghề phải, 5· Nuôi mạng phải, 6· Tiến lên phải, 7· Nhớ phải, 8· Định tâm phải.

Nầy các ông ! Đạo là đường tu hành, ấy là đường tu-hành theo cho dặng thấy rõ Niết-bàn ».

Đức Phật hằng tán dương sự bố-thí. Những thí chủ dặng cúng đến các hạng sa-môn ở theo Bát-thánh đạo gọi là bố - thí có phước báu cao thượng vì như ruộng có đủ tám chi, có đất phân rất tốt, hằng trở sanh nhiều bông trái.

*Có Phật ngôn rằng :*

Nầy các thầy Tỳ-khuru ! Giống lúa mà người gieo trong ruộng có đủ tám chi hằng được nhiều bông trái, có mùi vị ngon ngọt, cây lúa nứt nở lớn bụi.

Nầy các thầy Tỳ-khuru ! Ruộng có tám chi trong thế gian nầy là :

1. Không có chỗ cao, chỗ thấp, đều bằng thẳng nhau.
2. Không có nhiều đá sỏi.
3. Không có đất mặn hoặc nước muối đọng lại.
4. Không có đất cứng lắm, cây không được.
5. Có nhiều đường nước chảy ra.
7. Có nhiều lòng nước nhỏ lớn.
8. Có nhiều bờ ruộng và đê.

Nầy các thầy Tỳ-khuru ! Bồ-thí dâng cúng đến hàng sa-môn có đủ tám chi, hằng được quả nhiều, được nhiều phước báu cao quý, được quả to lớn.

Nầy các thầy Tỳ-khuru ! Hàng sa-môn có đủ tám chi trong thế gian là người có sự :

1. Hiểu phải, 2. Suy nghĩ phải, 3. Nói phải, 4. Nghề phải, 5. Nuôi mạng phải, 6. Nhớ phải, 7. Tiến lên phải, 8. Tịnh tâm phải.

Nầy các thầy Tỳ-khuru ! Sự bồ-thí mà người đã làm rồi trong hàng sa-môn có đủ tám chi ấy, hằng

có quả nhiều, có phước báo nhiều, có quả quý trọng, có quả to lớn như thế ấy.

Người quan sát thấy rõ pháp của Đức Phật gọi là như được xem thấy Phật.

Đức Thế-tôn có giải cho một vị Tỷ-khưu Vakkali nghe như vậy :

Này Vakkali ! Người nào suy thấy pháp, người ấy gọi là thấy Như-Lai ; người nào được thấy Như-Lai người ấy gọi là thấy pháp.

Phận sự của Đức Thiên Nhơn sư, Ngài đã làm trọn rồi, đối với các bậc Thinh-văn, Ngài chẳng còn phận sự nào phải làm thêm nữa.

### ***Có Phật ngôn rằng :***

Này các thầy Tỷ-khưu ! Phận sự tiếp độ, tìm kiếm điều lợi ích nào mà Như-Lai nên làm đến các bậc Thinh-văn, phận sự ấy Như-Lai đã làm đến tất cả các người rồi. Này các thầy Tỷ-khưu ! Nơi cội cây kia, nơi thanh vắng kia các người hãy tu tập cho đầy đủ, các người chẳng nên dễ dãi, sau rồi các người chẳng có sự ăn-năn than tiết ; đó là lời dạy bảo của Như-Lai đối với các người.

Trước khi nhập Niết-bàn, Phật ngợi khen những người hành theo pháp gọi là bậc đáng lễ cúng dường đến Như-Lai bằng cách cao-thượng,

Trong lúc cuối cùng, Ngài có thức tỉnh các thầy Tỳ-khuru, không nên để dưới cầu thả trong sự hành-đạo bằng lời như sau này :

Nầy A-Nan-Đa ! Các Tỳ-khuru hoặc Tỳ khuru-ni, thiện nam hoặc tín nữ nào hành pháp vừa theo pháp, người ấy gọi là tôn kính đưng lễ cúng dường đến Như-Lai bằng cách cao-thượng.

Nầy A-nan-Đa ! Các người nên niệm tưởng như vậy ; chúng ta dắt dẫn nhau hành pháp, vừa theo pháp, tu chơn-chánh, hành theo pháp như thế ấy.

Nầy A-nan-Đa ! Các người không nên hiểu rằng giáo pháp của Đức Giáo chủ chúng ta đã qua khỏi rồi, nay Đức Giáo chủ chúng ta không có, như thế.

Nầy A-nan-Đa ! Pháp và luật mà Như-Lai đã giảng giải rồi, đã chế định rồi, pháp và luật ấy sẽ là giáo chủ của người. (thế mặt cho Như-Lai) trong khi Như-Lai đã nhập Niết-bàn.

Tiếp theo đây, Đức Phật gọi các ông Tỳ-khuru mà rằng : Nầy các thầy Tỳ-khuru ! Như-Lai thức tỉnh các người trong lúc này, các danh sắc (năm uẩn) hằng có sự tiêu diệt là lẽ thường, các người hãy làm cho sự không cầu thả phát sanh đầy đủ, ấy là lời cuối cùng của Như-Lai.

**Dứt chương trình hành pháp**

**tóm tắt bấy nhiêu.**

## SUBHA KINH (1)

Tôi có nghe như vậy : một thuở nọ sau khi Đức Thế-tôn nhập Đại Niết-Bàn chưa bao lâu (2), Đại Đức A-nan-Đa ngụ trong Kỳ-viên tịnh-xá của ông trưởng giả Cấp-cô-Độc, gần thành Xá-vệ (Savatthi).

Thuở ấy người thanh niên Subha con của trưởng giả Bà-la-môn Todeyya, hữu sự đến tạm trú trong thành Xá-vệ, có vào đảnh lễ Đức A-nan-Đa xong, ngồi nơi chỗ nên ngồi, bèn bạch với Đại Đức A-nan-Đa rằng : Bạch Đại Đức A-nan-Đa, Ngài là bậc hộ pháp, là người hầu cận Đức Thế-Tôn, Đức Thế-Tôn đã có lời ngợi khen các pháp tiếp dẫn chúng-sanh cho được tồn tại, ở theo các pháp.

Bạch Đại Đức A-nan-Đa ! Đức Thế-Tôn có lời ngợi khen pháp ấy như thế nào ?

Đại Đức A-nan-Đa đáp : Này người thanh-niên ! Đức Thế-Tôn có lời ngợi khen 3 phần pháp tiếp dẫn người đời cho tồn tại, cho ở theo 3 phần pháp :

*Ba phần pháp ấy là :*

1. Phần giới quý trọng.
2. Phần định quý trọng.
3. Phần tuệ quý trọng.

---

(1) Trích dịch trong tam tạng kinh.

(2) Sau khi Phật diệt-độ được một tháng.

Này người thanh-niên! Đức Thế-Tôn có lời ngợi khen 3 phần pháp ấy là pháp tiếp dẫn người đời cho tồn tại, trong 3 phần pháp ấy.

## PHẦN GIỚI QUÍ TRỌNG

Người thanh-niên Subba bạch rằng: Bạch Đại Đức A-nan-Đa phần giới quý trọng mà Đức Thế-Tôn đã có lời ngợi khen là phần giới tiếp dẫn người đời cho tồn tại, ở theo pháp ấy, như thế nào?

Đại Đức A-nan-Đa đáp: Này người thanh-niên Đức Như-Lai giảng sanh trong thế gian này, được chứng bực chánh đẳng, chánh giác đầy đủ cả minh-hạnh-lúc (1). Ngài truyền bá giáo pháp quý trọng thanh tịnh, những người được nghe pháp ấy khi đã nghe rồi hằng có lòng chánh tín nơi Đức Như-Lai, có đức tin rồi hằng suy xét thấy rõ rằng: hạng tại-gia chật hẹp là con đường chầy vào của các bụi bậm là phiền-não, bậc xuất-gia mới có bề thông thả. Những người tại-gia không hành pháp cao-thượng được hoàn toàn đầy đủ, trong sạch viên mãn, nếu như thế, ta phải cạo tóc và râu, xong mặc ca sa vàng ra khỏi nhà đi thọ lễ xuất gia. Khi người ấy được xuất-gia rồi thu-thúc trong biệt giải-thoát giới (Patimokkhasamvarasīta) có

---

(1) — Xem trong nhật hành trang 33.

gocāra (1) và acāra (2) có sự lo sợ tội lỗi đầu nhỏ nhen chút ít, thọ trì các điều học (giới) nghiệp thân và khẩu trong sạch, có chánh mạng, hạnh-kiểm trang nghiêm giữ gìn lục căn, có trí nhớ và sự biết minh, là người trí-luệ.

Này người thanh-niên ! Vậy thầy Tỳ-khuru hạnh kiểm trang nghiêm như thế nào ?

Này người thanh-niên ! Thầy Tỳ-khuru trong Phật giáo này, lánh xa sự sát sanh, dứt bỏ hẳn sự sát sanh là người đã liệng bỏ khí giới, chẳng còn cầm khí giới, có sự hổ thẹn tội lỗi, có tâm từ bi, là người hay tiếp độ, tìm sự lợi ích đến chúng sanh như thế gọi là giới của thầy Tỳ-khuru ấy.

Lại nữa, có hạng Bà-la-môn thọ thực mà người đã dâng cúng vì đức tin, song hạng Bà-la-môn ấy bằng ở theo tà-minh (3), cầu thần khẩn quỷ, trả lễ tạ ơn, tụng kinh đọc chú, xem sao bói quẻ, trừ tà ếm quỷ, họa bùa làm phép, chữa bệnh cho người vân vân... ấy gọi là tà-minh. Thầy Tỳ-khuru lánh khỏi tà-minh ấy gọi là người có giới trong sạch.

---

(1) — Gocāra nghĩa là Tỳ-khuru khi đi đứng ngồi nằm phải thu-thúc lục-căn, phải biết thân cận bậc thiện-tri thức, phải bằng quán-tướng pháp tứ niệm xứ.

(2) — Acāra nghĩa là thu-thúc trong giới luật thân và khẩu cho trong sạch, lánh xa 96 điều tà mạng.

(3) Có giải trong luật xuất-gia.

Ông Tỷ-khuru được thu-thức đầy đủ trong tứ-thanh-tịnh giới rồi không còn lo sợ điều chi, thân hằng được yên-vui thanh-tịnh.

Thu-thức lục-căn là :

Giữ gìn không cho lục căn phóng túng theo lục trần : khi mắt thấy sắc trần mà không cố ý đến sự thấy ấy, không để ý phân biệt tốt, xấu, gái, trai, già, trẻ...

Tai nghe tiếng mà không phân biệt hay dở...

Mũi ngửi mùi mà không phân biệt thơm hôi...

Lưỡi nếm vị mà không biết ngon không...

Thân đụng chạm mà không phân biệt cứng mềm...

Ý biết rõ cảnh giới ngoại trần mà không chăm chú, không quan tâm hay dở tốt xấu. .

Hành-giả thu-thức lục căn được thanh-tịnh, tâm hằng an vui trong sạch, không lẫn lộn phiền não.

*Phải thu-thức lục-căn cho thanh-tịnh  
như thế ấy.*

Phải có trí nhớ và sự biết mình (Satisampaj-jāna) là khi bước tới hoặc thối lui cũng biết mình, khi liếc xem phía trước hoặc liếc xem tứ hướng cũng biết mình. Khi co tay hoặc dũi chơn cũng biết mình. Khi mặc y, mang bát, cũng biết.



minh : ăn uống nhai nuốt vật thực hoặc thuốc men cũng biết mình. Đi đứng nằm ngồi hoặc nói năng hoặc nếu thình cũng biết mình. Phải có trí nhớ và sự biết mình như thế.

Phải có trí túc (santosa) là phải biết phân lượng tài sức mình được bấy nhiêu là đủ không mong quá phận.

Hành-giả phải trí túc trong y phục là vật để che thân, trong vật-thực là món để nuôi sanh mạng, có sao dùng vậy, không lòng tham muốn tìm kiếm thêm. Đi đến nơi nào chỉ đem theo những vật cần yếu đủ dùng (vật phụ thuộc) (1). Thầy Tỷ-khuru chỉ có y và bát như loài chim, khi bay đi nơi nào chúng chỉ dùng cặp cánh thôi. Cũng thế, hành-giả có trí-túc trong y bát, trong vật-thực, khi đi đến nơi nào chỉ đem theo những vật cần yếu đủ dùng như thầy Tỷ-khuru hành-pháp đầu-đà (1) chỉ có tam y và bát, như thế gọi là người có trí-túc.

..\*

## PHẦN ĐỊNH QUÍ TRONG

Những hành giả trí giới trong sạch, thu-thúc lục căn cao-thượng thêm có trí nhớ (không quên mình) và sự biết cao-thượng hằng tìm ngự trong

---

(1) Có giải trong luật xuất-gia.

nơi thanh vắng là : cội cây, hang đá, đe đá, núi, nơi mộ địa khoản trống hoặc lùm-bụi, hành-giả ngồi bán dạ tọa thiền, thân hình ngay thẳng, đem trí nhớ chăm chỉ trong đề mục thiền định :

1. *Dứt lòng tham muốn.*— Không chấp nắm-uần, lánh xa sự xan tham, trau dồi cho tâm trở nên trong sạch, khỏi sự xan-tham ;

2. *Dứt lòng thù oán.*— « Hờn giận, không bất bình, có lòng tế-độ chúng sanh được đều lợi ích, sửa trị tâm tánh, diệt trừ sự bất bình và hờn giận ;

3.— *Dứt sự hôn trầm.* — Chẳng còn biếng nhác, nhờ xem ánh sáng, có đủ trí nhớ và sự biết mình làm cho tâm được sỏi sần, tươi tỉnh ;

4.— *Dứt lòng phóng dật !* (1) — Diệt sự tự-tưởng những việc đầu đầu, tâm được yên lặng, xa khỏi điều vọng-tưởng ;

5.— *Dứt hoài nghi.*— Chẳng còn ngờ vực các pháp, tiến hành cho tâm xa khỏi sự nghi ngờ.

Ví như người, vay tiền để làm việc thương-mãi, khi các việc được thành tựu mỹ-mãn, nợ vay đã trả còn dư lời nhiều, có thể bảo tồn sanh mạng vợ con. Người ấy bèn suy nghĩ : trước kia ta vay tiền để làm thương-mãi, nay công việc đã thành, ta

(1) — Phóng dật là lòng buông thả linh định không ở yên chỗ.

được huờn số nợ cho chủ, lại còn có thể bảo dưỡng vợ con, suy nghĩ như thế người ấy phát tâm vui-vẻ (Pamojja) hoặc vì như người mang bệnh trọng chịu nhiều sự đau đớn nặng nề, ăn-uống không được lại thêm sức yếu mình gầy, nay được lành mạnh ăn uống như xưa. Suy nghĩ như thế người ấy, sanh lòng vui-vẻ vì được khỏi bệnh ; hoặc vì như kẻ tù tội ra khỏi khám đường được sự an vui chẳng còn lo sợ bị người trời trăng đánh đập, kẻ ấy bèn nghĩ : trước kia ta bị tù tội nay được tự do chẳng còn lo sợ bị cùm xiềng đánh chửi, suy nghĩ như thế bèn phát lòng vui-thích. Cũng như thế ấy, hành-giả thấy năm pháp cái trong tâm chưa diệt trừ được như người thiếu nợ, như người mang bệnh nặng, như kẻ tù tội, như kẻ nô-lệ, như người đi đường xa lỡ hết vật-thực. Khi hành-giả suy xét thấy đã dứt trừ năm pháp cái ấy trong tâm rồi, như những người đã khỏi nợ, như những người được lành bệnh, như người ra khỏi khám đường, như người khỏi đòng nô-lệ, như người đi đường xa hết vật thực mà gặp được đồ cần thiết trong khi túng ngặt, thì phát tâm vui thích.

Khi thầy Tỳ-khuru quan sát thấy tâm dứt khỏi năm pháp cái rồi sự vui vẻ phát sanh. Sự vui sanh, **phỉ cũng sanh**. Khi phỉ (1) có trong tâm thì

---

(1) — Phỉ là thân tâm no đủ đã có sự vui vẻ trước.

thân yên lặng, tâm an-tịnh thì hằng được vững vàng. Thầy Tỷ-khuru ấy xa khỏi các dục vọng dứt bỏ cả ác pháp rồi được nhập sơ thiền : tầm, sát, phi và lạc phát sanh do tâm yên lặng, an nghỉ oai-nghi. Thầy Tỷ-khuru ấy làm cho phi và lạc phát sanh do sự yên lặng thấm tháp đều-đặn đầy đủ khắp cả châu thân.

Nầy người thanh-niên ! Như người thợ cạo tóc thiện nghệ bỏ vật để trên tấm, trong đồ đựng và trộn lộn với nước, vật để trên tấm ấy tiêu hóa trong nước, hòa lẫn với nước cả bên trong và bên ngoài không rời rớt, thế nào ; nầy người thanh-niên ! Thầy Tỷ-khuru đắc sơ thiền cũng như thế ấy.

Nầy người thanh-niên ! Thầy Tỷ-khuru lánh xa các dục vọng liả khỏi cả ác pháp đã nhập sơ thiền có tầm, sát, phi và lạc phát sanh do tâm yên lặng, an nghỉ oai nghi : Thầy Tỷ-khuru ấy làm cho phi và lạc phát sanh do tâm yên lặng thấm tháp đầy đủ khắp cả châu thân.

Nầy người thanh-niên ! Lại nữa Thầy Tỷ-khuru diệt tầm và sát, rồi được nhập nhị thiền là điều xác thực, có đức tin, có trạng thái nhứt tâm, không còn tầm, sát chỉ có phi và lạc phát sanh do nhị thiền, an nghỉ oai-nghi. Thầy Tỷ-khuru ấy hằng làm cho phi và lạc phát sanh do thiền định thấm tháp đầy đủ, khắp cả châu thân.

Này người thanh niên ! Thầy Tỳ-khuru diệt tâm và sát rời dể nhị thiên, an nghỉ oai nghi ; Thầy Tỳ-khuru ấy hằng làm cho phỉ và lạc phát sanh, do thiên định thắm tháp đầy đủ khắp cả châu thân.

Này người thanh niên ! Lại nữa, Thầy Tỳ-khuru nhàm chán phỉ, có xả tâm, có trí nhớ và sự biết minh, thân được thọ lạc. Các bậc thánh như hằng ngợi khen những người đã đắc tam thiên rằng : người đắc tam thiên có xả tâm, có trí nhớ, được an-lạc như thế, nhờ nhập tam thiên, an nghỉ oai-nghi. Thầy Tỳ-khuru dứt phỉ, hằng làm cho lạc, xả phát sanh thắm tháp, đầy đủ khắp cả châu thân.

Này người thanh-niên ! như các thủy hoa ; hoa sen đỏ, hoa sen trắng, trong ao sen đỏ, trong ao sen trắng, mọc trong nước, tiến hóa trong nước, lên cao trong nước, chìm trong nước, các thủy hoa ấy hằng thắm tháp khắp cả đọt đến gốc, các chi nhỏ lớn của thủy hoa ấy là : hoa sen đỏ hoặc hoa sen trắng cũng đều được thắm tháp nước mát ấy...

Này người thanh niên ! Thầy Tỳ-khuru đắc tam thiên cũng như thế ấy.

Này người thanh-niên ! Thầy Tỳ-khuru nhàm chán phỉ rời... vân vân... được nhập tam thiên, an-nghỉ oai nghi, Thầy Tỳ-khuru ấy dứt phỉ làm cho

lạc, xã thãm tháp, đầy đủ khắp cả châu thân. Các chi nhỏ lớn của thân thể, Thầy Tỳ-khuru ấy cũng đều thãm trạng thái của định lực, lạc, xã dứt khỏi phi.

Nầy người thanh niên ! Lại nữa nhờ dứt vui, dứt khổ, diệt tâm vui mừng và hờn giận từ trước, Thầy Tỳ-khuru được nhập tứ thiền có cảnh giới không khổ, không vui là tâm vô ký, có trí nhớ trong sạch phát sanh do tâm vô ký, an nghỉ oai-nghi. Thầy Tỳ-khuru ấy hằng làm cho thân thể thãm tháp, tâm trong sạch an tọa. Các chi nhỏ lớn của thân thể thầy Tỳ-khuru đều thãm tháp, trong sạch. Nầy người thanh niên ! ví như có người lấy vải sạch trùm mình luôn cả đầu, an tọa, các chi nhỏ lớn của thân thể người ấy đều thãm tháp đầy đủ vải sạch ấy.

Nầy người thanh niên ! Thầy Tỳ-khuru nhờ dứt vui, nên được nhập tứ thiền, an nghỉ oai-nghi, ông Tỳ-khuru ấy hằng làm cho tâm trong sạch thãm tháp cả châu thân, an nghỉ oai-nghi. Các chi nhỏ lớn của thân thể ông Tỳ-khuru ấy cũng đều được thãm tháp trong sạch như thế ấy !

Nầy người thanh niên ! ấy là phần định qui trọng mà Đức Thế-tôn đã có lời ngợi khen, là pháp để tiếp dẫn chúng sanh thực hành theo cho lờn tại và di truyền lại. Những sự nên hành tiếp theo trong Phật pháp này, còn nữa...

Người thanh niên Subha bèn tán dương rằng: Bạch Đại Đức A-nan-Đa. Thật rất lạ thường; *bạch Đại Đức A-nan-Đa*, việc không từng có lại có được; là phần định quý trọng ấy đã tròn đủ, chẳng phải là không tròn đủ; *bạch Đại Đức A-nan-Đa*, tôi chưa từng thấy phần định quý trọng tròn đủ như thế trong phái Bà-la-môn ngoài Phật giáo này.

Bạch Đại Đức A-nan-Đa, phái Bà-la-môn, ngoài Phật giáo cũng được thấy phần định quý trọng tròn đủ như thế trong thân tâm, song các hạng Bà-la-môn ấy chỉ vừa lòng với phần đức tánh thiện-dịnh bấy nhiêu, rằng : đức tánh bấy nhiêu vừa rồi, chỉ có đức tánh bấy nhiêu là đủ. Sự lợi-ích về các đức thường, chúng ta đã đến rồi theo từng bậc, chúng ta chẳng còn phải làm việc gì thêm nữa.

Về phần Đại-Đức A-nan-Đa ngài lại nói rằng việc phải làm tiếp thêm trong Phật pháp này còn nữa...



## PHẦN TUỆ QUÍ TRỌNG

Người thanh niên bạch rằng : Bạch Đại Đức A-nan-Đa, vậy phần trí tuệ quý trọng mà Đức Thế-tôn đã có lời ngợi khen là pháp tiếp độ người đời cho được tồn tại, như thế nào ?

Đại Đức A-nan-Đa đáp rằng : Khi tâm hành già đã xả ly năm pháp cái thì tâm được an trụ thanh-tĩnh, phiền não được yên lặng, tùy phiền não xa lánh, rồi nhờ thắng lực của tinh lực (1) ấy mà phát khởi ra mấy món trí thông như sau này :

1. Minh-sát-trí-thông (Vipassanāñānam). — Khi tâm được an-trụ, có trạng-thái dịu dàng đáng niệm không xao động vì ngoại trần, hành-giả chăm chú hành pháp « minh-sát-trí-thông ». Hành giả biết rõ rằng : Thân ta đây do tứ-đại hiệp nên nhờ mẹ cha sanh dưỡng, do vật thực mà được trưởng thành thêm nhờ sự trau dồi tắm gội kỳ rửa thường ngày để tạm ngăn mùi hôi hám, mặc dầu nó cũng không khỏi sự tan rã chia lìa theo lẽ tự nhiên.

Tâm thức ta nương ngụ trong thân này, như bạch bích có 8 góc mà thợ đã dùi mài tinh anh có ánh-sáng trong sạch, nếu có người lấy chỉ xanh đỏ, vàng, hoặc trắng xỏ vào châu ấy, người sáng mắt lấy ngọc ấy để trên tay và xem xét, thấy rõ rằng : đây là bạch bích tinh-anh có 8 góc mà thợ đã dùi mài, có ánh sáng trong sạch, chỉ mà người xỏ trong châu ấy là chỉ xanh, đỏ, vàng, hoặc trắng. Cũng như thế, hành-giả khi tâm được an tĩnh có trạng thái dịu dàng đáng niệm, không xao động vì ngoại trần, chăm chú hành pháp minh-sát, hành-

---

(1) — Tinh lực là yên lặng mà suy nghĩ.



giả cũng biết rõ rằng : thân ta đây nương theo tứ đại, nhờ mẹ cha sanh dưỡng, do vật-thực mà được trưởng thành thêm nhờ sự trau dồi tâm gọi kỹ rửa thường ngày để tạm ngăn mùi hôi hám, mặc dầu nó cũng không tránh khỏi sự tan rã, chia lìa theo lẽ tự nhiên. Tâm thức ta nương ngụ trong thân này ví như chỉ xỏ trong bạch bích kia vậy, ấy gọi là minh-sát-trí-thông của hành-giả.

2. — Thân-cảnh-trí-thông. — (Iddhividhinānam).  
Hành-giả an-trụ vững vàng thanh-tịnh dứt cả mỗi điều phiền não, xa lìa tùy phiền não, không xao động vì ngũ dục, chăm chú dùng tâm biến ra thân khác, có tứ chi đều đủ ví như người rút đao ra khỏi vỏ rồi suy nghĩ như vậy : đây là đao, đây là vỏ, đao khác vỏ khác nhưng đao mà ta rút ra, là rút ra từ nơi vỏ vậy ; hoặc biến một thân làm nhiều thân, hoặc nhiều thân huờn lại một thân, hoặc đi đứng vô-ngại không chi ngăn-trở, hoặc nhập xuống đất, ẩn hình, hoặc đi trên nước như đi trên đất bằng, hoặc từ phía trong ra phía ngoài, từ ngoài vào trong vách, hoặc đi phủng qua núi, hoặc lên, hoặc xuống đều tự tại hoặc đi, hoặc ngồi trên hư-không như chim bay cũng được, dùng tay sờ mặt trời mặt trăng, cách nào cũng vô ngại ví như người thợ làm đồ gốm thiện nghệ dùng đất sét đã nhồi nhien rồi làm các thứ nồi lớn nhỏ khác nhau theo ý muốn mình đều được cả, hoặc

ví như người thợ tiện thiện nghệ dùng ngà đã dũa mài đem làm các món bằng ngà nhiều kiểu khác nhau đều được cả, hoặc ví như người thợ bạc thiện nghệ dùng vàng đã phân chế sạch sẽ đem làm một vật trang sức nào cũng đều được theo ý muốn. Cũng thế, hành giả khi tâm an trụ theo cảnh giới tịch tịnh dứt cả mọi điều phiền não xa lìa tùy phiền não không xao động vì ngũ dục tâm có trạng-thái dịu dàng đáng niệm, hành-giả hiện thần thông biến ra nhiều cách như đã giải, ấy là cảnh trí thông của hành giả.

3.— Thiên nhĩ trí-thông.— (dibbasoñānam). Hành-giả tâm được an-trụ vững vàng thanh tịnh dứt cả mọi điều phiền-não không xao động vì ngũ dục, tâm có trạng-thái dịu dàng đáng niệm, hành giả chăm chú hành pháp thiên nhĩ-trí-thông, hành giả ấy dầu ở xa hay gần hằng nghe suốt tất cả thứ âm thanh chẳng chút ngần ngại, ví như người đi đường xa, người ấy nghe tiếng trống nhỏ, tiếng sáo, tiếng kèn, tiếng trống lớn, người ấy suy nghĩ rằng: tiếng trống nhỏ như thế này, tiếng sáo như thế này, tiếng kèn như thế này, tiếng trống lớn như thế này.

Cái thắng-lực của thiên nhĩ trí-thông ấy hơn hết các thiên nhĩ rất trong sạch nghe đủ thứ tiếng của người phạm bực thánh, ấy là: thiên nhĩ trí-thông của hành-giả.

4.— Tha tâm trí thông. — (Cetopaniyānānam).  
Hành-giả khi tâm được an trụ vững vàng thanh  
tĩnh dứt cả mọi sự phiền não không xao động và  
ngũ dục là tâm có trạng-thái dịu-dàng đáng niệm,  
hành giả chăm chú hành pháp tha tâm-trí-thông  
là biết phân biệt rõ rệt tâm của chúng sanh : đầu  
tâm còn tham dục cũng biết, tâm hết tham dục  
cũng biết, tâm sân cũng biết, tâm si mê cũng biết,  
tâm hết si mê cũng biết, tâm tinh-tấn cũng biết,  
tâm thối chuyển cũng biết, tâm yên tĩnh cũng biết,  
tâm toán loạn cũng biết, tâm rộng cũng biết, tâm  
hẹp cũng biết, tâm chưa nhập định cũng biết, tâm  
phiền não cũng biết, tâm hết phiền não cũng biết,  
ví như cậu trai hoặc cô gái còn đang vui thích  
trong sự trang điểm, khi soi mặt trong kiến tinh  
anh, mặt dơ hoặc sạch cũng biết, như thế hành  
giả đắc tha tâm trí thông cũng vậy.

5.— Túc mạng trí thông. — (Pubbenivāsānus-  
satīnānam). — Hành giả khi tâm được an trụ thanh  
tĩnh vững vàng, dứt cả mọi điều phiền não và tùy  
phiền não, không xao động vì ngũ dục, tâm có  
trạng thái dịu dàng đáng niệm hành giả chăm chú  
hành pháp túc mạng trí-thông. Hành-giả nhớ biết  
những kiếp quá khứ từ một đời, 2 đời cho đến  
100, 1.000 muôn ức kiếp, nên, hoặc hư, cũng đều  
nhớ hết. Trong các kiếp, quá khứ ấy thọ sanh  
vào nhà nào, tên họ gì, cha mẹ làm sao, chủng

tộc thể nào, tướng mạo tốt hay xấu, sức lực mạnh hay yếu, thọ mạng vẫn hay dài cho đến những việc khổ, vui gì cũng đều biết rõ. ở cõi này luân hồi lại cõi kia, ở cõi kia thọ sanh đến cõi này, cũng đều biết rõ. Ví như người ra khỏi nhà đi đến xứ khác khi trở về xứ mình rồi nhớ đến như vậy: ta ra khỏi xứ đi đến xứ kia rồi đến xứ kia nữa, ta đứng như thế này, ngồi như thế kia, nói như thế này, nín thinh như thế này, đến khi ra khỏi xứ ấy ta đi như vậy, ngồi nói như vậy, nay ta trở về xứ ta rồi như thế này, hành giả đặc tức mạng trí thông cũng vậy.

6.— Thiên nhãn trí thông. (Catupapātānānam)

— Hành giả khi tâm được an trụ thanh-tịnh vững vàng rồi dứt cả mọi điều phiền não không xao động vì ngũ dục tâm có trạng thái dịu dàng đáng niệm, hành-giả chăm chú hành pháp thiên nhãn trí thông nghĩa là lấy cái lực thiên nhãn ấy thấy suốt sự sanh tử chúng sanh cao sang hèn hạ tốt xấu vui khổ. Thấy rõ chúng sanh đều bị nghiệp lực lôi cuốn như vậy: chúng sanh hạng này bị nghiệp dữ (thân khẩu ý ác) vì sự tà kiến hủy báng thánh nhưn, chấp theo tà kiến nên đến khi thác phải sanh vào ác đạo làm súc sanh địa-ngục. Hạng chúng-sanh này có chánh-kiến ở theo thân khẩu ý lành, đến ngày lâm chung lia thân ngũ uẩn được sanh lên cõi trời hoặc làm người thọ hưởng

sự yên vui. Hành giả đắc nhãn thông cao thượng hơn phàm nhơn nên thấy rõ sự luân hồi của chúng sanh do nghiệp lực thiện hoặc ác như thế. Ví như người lên đứng giữa đài cao cất ở ngã tư đại-lộ, giữa châu thành, người ấy sáng mắt đứng trên đài cao xem thấy rõ bộ hành vào nhà, ra nhà hoặc từ nhà này đến nơi kia, hoặc ngồi đứng thấy rõ rệt, như thế hành-giả đắc thiên nhãn trí thông cũng vậy.

Lậu tận trí-thông (Āsavakkhayañānam).— Hành giả khi tâm được an-trụ thanh-tĩnh, vững vàng dứt cả mọi điều phiền não và tùy phiền não tâm có trạng thái dịu dàng đáng niệm không xao động vì ngũ dục như thế rồi chăm chú hành pháp lậu tận trí thông là thấy suốt các pháp lậu phiền-não, thấy rõ theo chơn lý rằng: đây là khổ, đây là nhân sanh khổ, đây là sự dứt khổ, đây là đạo dứt khổ, đây là lậu phiền-não, đây là nhân-sanh lậu phiền-não, đây là sự diệt lậu phiền-não, đây là đạo diệt lậu phiền não. Khi hành-giả biết rõ như thế rồi thì được dứt khổ.

Khi tâm được dứt khổ, thì được biết rằng tâm đã giải thoát chẳng còn thọ sanh nữa, đạo cao thượng ta đã hành tròn đủ rồi, phận ta chẳng còn phải làm việc chi nữa. Ví như hằm nước trên đỉnh núi trong sạch chẳng còn cặn cào, có người sáng mắt lại gần mé hằm nước trong ấy, xem

thấy phân minh những vật ở trong hầm nước lã, sỏi, đá, cá lội qua lại hoặc ở yên một chỗ. Người ấy suy nghĩ rằng : hầm nước này trong sạch chẳng có cặn cào, có sỏi, đá, có bầy cá đương lội qua lại, hoặc ở yên một chỗ trong hầm nước ấy thế nào : Này người thanh-niên ! thầy Tỷ-khuru đắc lậu tận-trí-thông cũng như thế ấy. Này người thanh-niên ! thầy Tỷ-khuru, khi tâm an-trụ vững-vàng thanh-tịnh không xao-động theo cảnh giới ngoại trần, như thế rồi đem tâm hành pháp lậu tận trí-thông, thầy Tỷ-khuru ấy thấy theo chơn-lý rằng : đây là con đường tu tập để diệt lậu phiền não, thầy Tỷ-khuru ấy khi biết như thế, thấy như thế rồi, tâm cũng được giải thoát khỏi hẳn dục lậu phiền-não (kāmasava), tâm cũng giải-thoát hẳn sắc và vô sắc lậu phiền-não (bhavāsava), tâm cũng giải-thoát hẳn vô-minh lậu phiền não (avijjāsava) ; khi tâm đã giải-thoát hẳn rồi, sự biết cũng phát sanh lên rằng ; tâm đã giải thoát hẳn rồi, thầy Tỷ-khuru ấy cũng biết rõ rằng sự sanh dứt rồi, đạo phạm hạnh được hành tròn đủ rồi, phận sự đã làm rồi, chẳng còn phận sự gì phải làm thêm nữa, ấy là trí tuệ quý trọng của thầy Tỷ-khuru ấy.

Này người thanh-niên ! Đó là trí-tuệ quý trọng mà đức Chí-tôn đã ngợi khen là pháp tiếp dẫn chúng sanh cho được tồn-tại, cho được truyền thừa. Phận sự nên làm thêm trong giáo pháp này

cũng chẳng còn.

Người thanh niên Subha tán dương rằng : Bạch Đại Đức A-nan-Đa thật rất lạ thường ; điều này chưa từng có, lại có được ; phần trí tuệ quý trọng ấy đều đủ rồi chẳng phải chẳng điều đủ đâu.

Tôi chưa từng thấy phần trí-huệ quý-trọng nào đều đủ như thế trong các hàng Bà-la-môn khác, ngoài Phật pháp này, chẳng còn phạm sự nào mà chúng ta phải làm thêm nữa.

Bạch Đại Đức A-nan-Đa, rất hay, Pháp mà Đại Đức đã thuyết rồi nhiều vô số như thế (rất sáng suốt rõ rệt) như người lật ngựa đồ dựng đề úp hoặc như mở vật chi đã đậy kín, bằng không cũng như người chỉ đường cho kẻ lạc nẻo, hoặc như người rọi đường trong nơi tối tăm và suy nghĩ rằng : người có mắt (sáng) sẽ thấy các hình thể.

Bạch Đại Đức A-nan-Đa, tôi cầu xin qui y Phật đã nhập Niết-bàn, cầu xin qui y Pháp, cầu xin qui y Tăng, cầu xin Đại Đức A-nan-Đa rõ rằng : tôi là người thiện nam, kể từ đây cho đến trọn đời.

— CHUNG —